

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa

Kính gửi: Quốc hội

Ngày 15/8/2025, Chính phủ đã có Tờ trình số 558/TTr-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV). Trên cơ sở đó, Ủy ban Kinh tế và Tài chính đã có Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 1033/BC-UBKTTTC16 ngày 27/8/2026. Ngày 04/9/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Kết luận số 231/KL-UBTVQH16 về dự án Luật Phát triển DNNVV.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15, Chính phủ kính trình Quốc hội dự án Luật Phát triển DNNVV (sau đây gọi là dự án Luật) với những nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong Báo cáo chính trị, có yêu cầu: “*Phát huy đầy đủ chức năng, vai trò của các khu vực kinh tế...; phát triển kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế... ”*; “*Có chính sách phù hợp, tạo môi trường thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hoá thị trường, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Chú trọng phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân Việt Nam lớn, mạnh, ngang tầm khu vực và thế giới. Hỗ trợ tích cực và tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp và phi nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường.*”

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân nhấn mạnh “*Tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu. Kịp thời xây dựng, hoàn thiện pháp luật và cơ chế, chính sách đột phá để khuyến khích kinh tế tư nhân phát triển trong những lĩnh vực ưu tiên, đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số...*”. Nghị quyết yêu cầu: “*Có cơ chế, chính sách đặc biệt hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, bảo đảm theo nguyên tắc thị trường và tuân thủ các cam kết quốc tế*” và “*Minh bạch hoá, số hoá, thông minh hoá, tự động hoá, áp dụng triệt để trí tuệ nhân tạo và dữ liệu lớn trong thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính*”.

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã chỉ đạo: “*Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ổn định.*”.

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đưa ra quan điểm chỉ đạo: “*Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật bảo đảm yêu cầu quản lý và khuyến khích đổi mới sáng tạo, loại bỏ tư duy không quản được thì cấm*”.

- Nghị quyết 41/NQ-CP ngày 11/3/2026 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra nhiệm vụ về thể chế kinh tế “*Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính, công nghệ, quản trị cho doanh nghiệp trong nước, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia chuỗi giá trị toàn cầu*”, trong đó giao Đảng ủy Bộ Tài chính chủ trì hoàn thiện pháp luật trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 đã đặt ra nhiệm vụ “*Tạo đột phá phát triển các thành phần kinh tế gắn với triển khai hiệu quả các nghị quyết của Bộ Chính trị. Phát triển mạnh kinh tế tư nhân, **doanh nghiệp nhỏ và vừa**; có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả nguồn lực*”.

- Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 của Bộ Chính trị về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khoá XVI yêu cầu “*Tiếp tục đổi mới căn bản tư duy xây dựng pháp luật, chuyển mạnh từ quản lý hành chính sang phục vụ, kiến tạo phát triển đất nước, xã hội, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đưa pháp luật trở thành nguồn lực và lợi thế cạnh tranh quốc gia*”.

- Thông báo số 11-TB/BCĐTW ngày 22/12/2025 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp Ban Chỉ đạo lần thứ 2 yêu cầu Bộ Tài chính “*Khẩn trương rà soát, đề xuất hoàn thiện thể chế, pháp luật trong lĩnh vực doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV), bảo đảm chính sách hỗ trợ phát triển DNNVV thực chất, hiệu quả, gắn với cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, bám sát tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 66-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW. **Rà soát, đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV** trong năm 2026 bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó, tập trung giải quyết các “điểm nghẽn” trong tiếp cận tín dụng, đổi mới chính sách hỗ trợ đào tạo, tư vấn, pháp lý; chính sách hỗ trợ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững...*”.

- Thông báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo yêu cầu Bộ Tài chính

và các cơ quan có liên quan “*Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá đầy đủ các chủ trương của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Đại hội XIV, Nghị quyết số 68-NQ/TW và các Nghị quyết chiến lược khác của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị*” và “*Sớm hoàn thiện chính sách, pháp luật và cơ chế thực thi hiệu quả để cá nhân, hộ kinh doanh phát triển thành doanh nghiệp nhỏ và vừa; doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển thành các doanh nghiệp lớn; ... Trong đó, đặc biệt lưu ý đến cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh; có cơ chế phù hợp để không tạo gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cá nhân kinh doanh, hộ kinh doanh trong tiếp cận, thực thi quy định của pháp luật và tăng cường hỗ trợ pháp lý cho các đối tượng này*”.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 12/6/2017, có hiệu lực từ ngày 01/01/2018, là cột mốc quan trọng trong công tác hoàn thiện thể chế phát triển khu vực kinh tế tư nhân. Lần đầu tiên, chính sách hỗ trợ DNNVV được luật hóa thành một đạo luật riêng, khẳng định sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với khu vực doanh nghiệp. Qua thực tiễn thi hành, một số nội dung của Luật hiện hành đã được kế thừa, phát triển trong pháp luật chuyên ngành về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đất đai, đầu thầu và các lĩnh vực liên quan. Tuy nhiên, các chính sách hỗ trợ đặc thù cho DNNVV cần tiếp tục được rà soát, hoàn thiện; đồng thời, một số quy định về thẩm quyền, trách nhiệm tổ chức thực hiện cần được sửa đổi phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm tính thống nhất, khả thi và nâng cao hiệu quả thực thi.

- Ngày 17/5/2025, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 198/2025/QH15 về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, trong đó đặt ra nhiều cơ chế hỗ trợ có tính đột phá đối với DNNVV, bao gồm: tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh; thuê nhà, đất là tài sản công; hỗ trợ tài chính, tín dụng, mua sắm công; ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, lệ phí, lựa chọn nhà thầu; hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đào tạo nhân lực; hỗ trợ hình thành doanh nghiệp tiên phong và một số chính sách hỗ trợ trọng tâm khác. Đây là những chính sách quan trọng, thể hiện bước phát triển mới trong tư duy thể chế về hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân, nhất là DNNVV. Để các chính sách này có tính ổn định, dài hạn, cần được tiếp tục luật hóa trong Luật Hỗ trợ DNNVV, qua đó tạo sự đồng bộ và khả thi trong hoạt động hỗ trợ DNNVV trong giai đoạn phát triển mới.

3. Cơ sở thực tiễn

Sau hơn 8 năm triển khai, Luật Hỗ trợ DNNVV đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành và thực thi hệ thống chính sách hỗ trợ DNNVV. Khuôn khổ pháp lý từng bước được hoàn thiện với 08 Nghị định, hơn 20 Thông tư và các chính sách liên quan về đất đai, thuế, đào tạo, tư vấn, chuyển đổi số, tham gia chuỗi giá trị, phát triển thị trường. Công tác tổ chức thi hành được các bộ, ngành, địa phương quan tâm; nguồn lực hỗ trợ từng bước được bố trí; đồng thời huy động được sự tham gia của hiệp hội, tổ chức quốc tế thông qua các dự án hỗ trợ. Nhiều mô hình hỗ trợ thiết thực đã hình thành và được doanh nghiệp đón nhận tích cực, nhất là đào tạo giám đốc điều hành, tư vấn chuyên sâu, chuyển đổi số, kinh doanh bền vững, xúc tiến thương mại và kết nối thị trường. Giai đoạn 2021-2025, thống

kê sơ bộ có hơn 2,2 triệu lượt người được hỗ trợ thông tin, nâng cao nhận thức, kỹ năng về chuyển đổi số; hơn 20.000 lượt doanh nghiệp được tham gia đào tạo; khoảng 5.000 doanh nghiệp được tư vấn chuyên sâu và khoảng 500 doanh nghiệp được hỗ trợ xúc tiến thương mại, kết nối kinh doanh, phát triển thị trường.

Tính đến hết tháng 7 năm 2026, cả nước có hơn 1,066 triệu doanh nghiệp đang hoạt động, trong đó DNNVV chiếm trên 98% tổng số doanh nghiệp. Trong giai đoạn 2018–2025, cả nước có hơn 9.200 DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh; riêng 7 tháng đầu năm 2026, có hơn 2.400 hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp.

Bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV đã bộc lộ một số hạn chế, tập trung vào 3 nhóm vấn đề: (i) Phạm vi, đối tượng, nguyên tắc hỗ trợ, quy trình và phương thức hỗ trợ, cơ chế giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ DNNVV; (ii) Các nội dung chính sách hỗ trợ DNNVV; (iii) Hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV.

3.1. Về phạm vi, đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc hỗ trợ, quy trình và phương thức hỗ trợ, cơ chế giám sát và đánh giá hoạt động hỗ trợ DNNVV

Qua thực tiễn thi hành, các quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành đã bộc lộ một số bất cập, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định đối tượng thụ hưởng, thiết kế chính sách, tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả hỗ trợ.

- DNNVV hiện nay được xác định dựa vào đồng thời số lao động tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) kết hợp với tổng doanh thu hoặc số lao động tham gia BHXH kết hợp với tổng nguồn vốn. Tiêu chí xác định như vậy là khá phức tạp, chưa thuận lợi cho thống kê, phân loại và xác định đối tượng hỗ trợ do cách hiểu còn có sự khác nhau giữa một số cơ quan hỗ trợ và chính DNNVV. Trong khi đó, thực tiễn quản lý nhà nước cho thấy tiêu chí tổng doanh thu là tiêu chí được cơ quan nhà nước sử dụng chủ yếu nhằm phản ánh thực chất hơn quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Ngoài ra, việc sử dụng tiêu chí “lao động tham gia BHXH” trong thời gian qua dẫn tới khó khăn cho các cơ quan, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp khi tham chiếu, truy xuất thông tin liên quan để lựa chọn doanh nghiệp hỗ trợ. Do đó, cần thiết rà soát, sửa đổi để phù hợp với thực tiễn hoạt động của DNNVV và phù hợp thông lệ quốc tế.

- Một số nhóm DNNVV cần ưu tiên hỗ trợ tuy đã có quy định trong Luật hiện hành (DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV do phụ nữ làm chủ) nhưng thực tiễn triển khai chính sách còn dẫn tới cách hiểu chưa thống nhất hoặc các tiêu chí xác định chưa cụ thể; một số DNNVV cần được thúc đẩy ưu tiên hỗ trợ theo chỉ đạo của Đảng và Nhà nước (DNNVV kinh doanh bền vững, bao trùm, thực hành ESG; DNNVV do người khuyết tật, người dân tộc thiểu số làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, người dân tộc thiểu số....) chưa được nhận diện và luật hóa. Do đó, chưa có đủ căn cứ đề xuất một số chính sách hỗ trợ đặc thù, qua đó khuyến khích các doanh nghiệp phát triển, thúc đẩy tạo việc làm, bảo đảm an sinh xã hội, phát triển bao trùm và không để ai bị bỏ lại phía sau.

- Về nguyên tắc, quy trình và phương thức hỗ trợ: một trong những điểm nghẽn lớn hiện nay là phương thức thực hiện chính sách và cơ chế tài chính hỗ trợ chưa được đổi mới tương xứng với yêu cầu thực tiễn và sự phát triển của thị trường dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Việc phân bổ và sử dụng kinh phí hỗ trợ DNNVV nhìn chung vẫn chủ yếu theo cách thức chi theo hoạt động, đầu vào, chưa gắn với kết quả đầu ra và mức độ tác động thực tế đối với doanh nghiệp, nên khó đánh giá hiệu quả sử dụng ngân sách. Cơ chế hỗ trợ DNNVV còn nặng về thủ tục hành chính, doanh nghiệp chưa thực sự được đặt ở vị trí trung tâm trong việc lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu. Đồng thời, chưa có cơ chế hỗ trợ linh hoạt để khuyến khích cạnh tranh giữa các nhà cung cấp dịch vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ. Quy trình đăng ký, xét duyệt, thanh quyết toán và theo dõi hỗ trợ ở nhiều nơi còn phân tán, mức độ số hóa chưa cao, làm tăng chi phí tuân thủ và thời gian tiếp cận hỗ trợ của DNNVV.

- Việc theo dõi tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ DNNVV hiện nay chủ yếu dựa trên chế độ báo cáo hành chính, chưa hình thành hệ thống chỉ tiêu thống nhất để đo lường kết quả, tác động và hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ. Cơ chế đánh giá độc lập, định kỳ chưa được quy định rõ, dẫn đến việc rà soát, phát hiện vướng mắc và điều chỉnh chính sách còn chậm so với yêu cầu thực tiễn. Việc công khai thông tin về chương trình hỗ trợ, điều kiện thụ hưởng, quy trình thực hiện và kết quả hỗ trợ tại một số bộ, ngành, địa phương còn chưa đầy đủ, chưa tạo được cơ sở để doanh nghiệp, hiệp hội và xã hội tham gia giám sát.

3.2. Về các nhóm chính sách hỗ trợ DNNVV

Thực tiễn triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành cho thấy các chính sách hỗ trợ DNNVV đã được thể chế hoá thành khuôn khổ pháp lý quan trọng, song, một số quy định cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện để phù hợp hơn với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Cụ thể:

- Về chính sách tiếp cận tài chính, tín dụng: Tỷ trọng dư nợ dành cho DNNVV chỉ duy trì ở mức 19-20% tổng dư nợ toàn nền kinh tế, trong khi đây là khu vực chiếm tới hơn 98% tổng số doanh nghiệp trong nền kinh tế. Nguyên nhân chủ yếu do DNNVV không có tài sản bảo đảm, khả năng hấp thụ tín dụng của DNNVV còn hạn chế, quy mô vốn nhỏ, sức chống chịu yếu, phương án kinh doanh thường xuyên biến động, thông tin tài chính chưa thực sự minh bạch. Việc tiếp cận nguồn vốn qua Quỹ bảo lãnh tín dụng cho DNNVV và Quỹ Phát triển DNNVV còn nhiều hạn chế. Các quỹ này chưa phát huy hiệu quả như kỳ vọng.

- Về chính sách hỗ trợ đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh: việc tổ chức thực hiện ở một số địa phương vẫn tương đối chậm, quỹ đất bố trí cho DNNVV còn hạn chế, chi phí thuê mặt bằng còn ở mức cao, thông tin còn phân tán, chưa được công khai và minh bạch.

- Về chính sách hỗ trợ mở rộng thị trường, nhất là thông qua chuỗi phân phối sản phẩm và cơ chế đối tác công tư: gặp vướng mắc do chính sách quy định tại Luật chưa khả thi, thiếu hướng dẫn cụ thể.

- Nhóm chính sách về thông tin, tư vấn, đào tạo và hỗ trợ pháp lý: phương thức triển khai tại một số địa phương còn phân tán, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều, chưa hình thành được nền tảng hỗ trợ thống nhất và cơ chế đánh giá gắn với kết quả đầu ra.

- Hỗ trợ về khoa học công nghệ (KHCN), ĐMST và chuyển đổi số: chưa được phân loại theo nhu cầu và mức độ phát triển của từng nhóm doanh nghiệp, đồng thời việc tiếp cận hạ tầng và nguồn lực công nghệ dùng chung còn hạn chế.

- Một số chính sách hỗ trợ DNNVV trọng tâm (DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị): chưa thực sự tạo tác động lớn, việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp chưa có cơ chế khuyến khích đủ mạnh; tiêu chí xác định DNNVV khởi nghiệp sáng tạo và nội hàm của cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị cũng còn cần được làm rõ thêm để thuận lợi hơn trong tổ chức thực hiện.

3.3. Hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV

Hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV tuy đã bước đầu được hình thành với sự tham gia của các Trung tâm hỗ trợ DNNVV, cơ sở ươm tạo, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, hiệp hội và các tổ chức tư vấn, song nhìn chung còn phát triển chưa đồng bộ, quy mô phân tán, chất lượng dịch vụ chưa đồng đều và thiếu tính kết nối. Điều này dẫn tới các đơn vị này chưa phát huy rõ vai trò điều phối, dẫn dắt và kết nối các nguồn lực hỗ trợ; mô hình “một cửa” trong tiếp nhận, hướng dẫn và triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chưa được thiết lập rõ nét. Sự tham gia của các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề và các chủ thể trung gian còn hạn chế, chưa hình thành được mạng lưới cung ứng dịch vụ hỗ trợ chuyên nghiệp, chuyên sâu, gắn với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp. Trong khi đó, đội ngũ tư vấn viên hỗ trợ DNNVV còn thiếu về số lượng, chưa đồng đều về chất lượng và năng lực chuyên môn, nhất là trong các lĩnh vực mới như chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ĐMST, quản trị hiện đại và tham gia chuỗi giá trị. Cùng với những hạn chế về tổ chức và nhân lực, hạ tầng thông tin và cơ chế phối hợp trong hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV cũng chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, theo dõi và hỗ trợ trong bối cảnh mới; các nền tảng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp còn thiếu đồng bộ, dữ liệu phục vụ theo dõi, đánh giá và giám sát chính sách còn phân tán, chưa liên thông giữa các cơ quan trung ương, địa phương và tổ chức hỗ trợ, làm hạn chế khả năng tổng hợp, đối sánh, đánh giá hiệu quả hỗ trợ cũng như cảnh báo sớm các khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn.

(Báo cáo tổng kết thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV trình kèm).

Căn cứ vào cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV là rất cần thiết, vừa đảm bảo vừa thể chế hóa đầy đủ chủ trương của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, phát triển KHCN, ĐMST, chuyển đổi số và góp phần hoàn thiện thể chế hướng tới mục tiêu tăng trưởng hai con số trong thời gian tới; vừa phản ánh đầy đủ hơn mục tiêu, định hướng và tinh thần kiến tạo, đồng hành của Nhà nước với các doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển mới của khu vực kinh tế tư nhân.

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, việc tiếp tục đẩy mạnh, hoàn thiện thể chế pháp luật được xác định là một trong những giải pháp then chốt, được coi là “đột phá của đột phá”. Đây không chỉ là công cụ quan trọng nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững của đất nước, mà còn góp phần củng cố lòng tin của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, đồng thời tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực, hiệu quả quản lý xã hội của Nhà nước trong kỷ nguyên mới.

Trong bối cảnh Việt Nam đang phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng từ hai con số trở lên và từng bước thực hiện hai mục tiêu chiến lược 100 năm của đất nước, khu vực kinh tế tư nhân được khẳng định là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc dân. Trong đó, lực lượng DNNVV giữ vai trò đặc biệt quan trọng, đóng góp lớn về tạo việc làm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Trước yêu cầu phát triển mới, việc tổng kết toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành là rất cần thiết nhằm làm rõ những kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, nghiên cứu sửa đổi toàn diện Luật để thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, chủ trương của Đảng, Chính phủ; bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư, kinh doanh, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; phù hợp yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, chi phí tuân thủ thấp. Qua đó, tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2026–2035, tầm nhìn đến năm 2045, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số trong thời gian tới.

4. Kinh nghiệm quốc tế về hỗ trợ phát triển DNNVV

Ở nhiều quốc gia, DNNVV đều chiếm tỷ lệ cao trong tổng số doanh nghiệp (từ 97-99%) và được xác định là “động lực tăng trưởng”, là “xương sống” của nền kinh tế. Các nước đã phát triển như Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Singapore, Liên minh châu Âu (EU)... và các nước đang phát triển trong khu vực như Malaysia, Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ... đều coi trọng vai trò của khu vực DNNVV.

Do đó, công tác hỗ trợ DNNVV được xem như một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển của các quốc gia và đã được các quốc gia này luật hóa từ nhiều thập kỷ trước thông qua việc sớm ban hành các luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV hoặc doanh nghiệp nhỏ nhằm thúc đẩy khu vực doanh nghiệp này phát triển và đổi mới sáng tạo, đóng góp ngày càng cao trong nền kinh tế. Hầu hết các quốc gia đã thể chế hoá hỗ trợ DNNVV dưới hình thức luật (Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Nga, Trung Quốc, Thái Lan). Thậm chí ở một số quốc gia, việc bảo vệ, hỗ trợ DNNVV được quy định trong Hiến pháp như Hàn Quốc, Đài Loan.

Nhiều quốc gia (Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia...) ban hành dưới hình thức là luật khung, luật cơ bản về hỗ trợ DNNVV, tạo cơ sở ban hành các luật hỗ trợ DNNVV cụ thể khác như Luật hỗ trợ tài chính, Luật bảo lãnh tín dụng, Luật thúc đẩy hợp tác liên kết giữa các DNNVV và doanh nghiệp lớn, Luật khuyến khích đầu tư, giảm thuế cho DNNVV, Luật đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp

nhỏ, Luật mua sắm chính phủ đối với sản phẩm của DNNVV hoặc luật quy định hệ thống các chính sách, biện pháp hỗ trợ cụ thể cho DNNVV. Một số quốc gia khác ban hành dưới hình thức luật chi tiết (Mỹ, EU...), trong đó quy định các chính sách, biện pháp cụ thể hỗ trợ DNNVV.

Các luật hỗ trợ DNNVV ở các quốc gia đều được điều chỉnh, sửa đổi theo từng thời kỳ phát triển kinh tế-xã hội của quốc gia, tập trung giải quyết các thách thức đối với sự phát triển của các DNNVV, ưu tiên các ngành kinh tế chủ lực. Bên cạnh đó, các luật này cũng quy định hệ thống cơ quan Chính phủ đầu mối về hỗ trợ DNNVV với vai trò điều phối triển khai thực hiện hỗ trợ DNNVV. Các đạo luật cũng thể hiện rõ trách nhiệm của Chính phủ trong việc đảm bảo các nguồn lực tổ chức thực hiện hỗ trợ DNNVV.

Về phương thức hỗ trợ: trong khoảng một thập kỷ gần đây, các quốc gia (Hàn Quốc, Singapore, Trung Quốc, EU,...) đều chuyển đổi mạnh phương thức hỗ trợ DNNVV thông qua cơ chế Voucher (Phiếu hỗ trợ). Mục tiêu chuyển đổi sang phương thức Voucher nhằm phá bỏ các rào cản hành chính giữa các chương trình hỗ trợ riêng lẻ của nhiều bộ ngành khác nhau. Theo đó, thay vì yêu cầu DNNVV phải nộp đơn cho nhiều chương trình riêng lẻ, Voucher tạo ra một cơ chế hỗ trợ toàn diện, đa dạng, cho phép DNNVV lựa chọn chính xác dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ phù hợp nhất với năng lực hấp thụ và giai đoạn phát triển của mình. Tùy theo tính chất và mục tiêu chính sách, các loại hình như Phiếu đổi mới sáng tạo (Innovation Voucher), Phiếu xuất khẩu (Export Voucher), Phiếu hỗ trợ DNNVV (SME Voucher),... được nhiều quốc gia áp dụng để gắn hỗ trợ với các dịch vụ cụ thể. Phiếu hỗ trợ (Voucher) được xác định là khoản hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp để chi trả một phần chi phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ. Việc triển khai bằng phương thức này được thực hiện trên một nền tảng kỹ thuật số, góp phần công khai, minh bạch hoạt động hỗ trợ.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT PHÁT TRIỂN DNNVV

7. Mục đích ban hành

Việc xây dựng và ban hành Luật Phát triển DNNVV nhằm:

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách thể chế, pháp luật đối với công tác phát triển kinh tế tư nhân, đặc biệt là hỗ trợ phát triển DNNVV; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập của các quy định hiện hành, bảo đảm cơ chế hỗ trợ DNNVV thiết thực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới; luật hóa các cơ chế, chính sách lớn, có tính ổn định, lâu dài đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025, qua đó tạo cơ sở pháp lý vững chắc hỗ trợ DNNVV trong thời gian tới.

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa theo hướng đồng bộ, hiệu quả, minh bạch, khả thi, bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện; qua đó thúc đẩy khu vực doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển nhanh, bền vững, tăng về số lượng, nâng cao về chất lượng và hiệu quả hoạt động.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, năng lực đổi mới sáng tạo và hiệu quả hoạt động của DNNVV; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu và quy mô doanh nghiệp; tăng cường khả năng tham gia vào chuỗi giá trị, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao mức độ đóng góp của khu vực DNNVV vào tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và phát triển bền vững.

2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

Thứ nhất, quán triệt tinh thần Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 của Bộ Chính trị; phân định rõ thẩm quyền ban hành luật và thẩm quyền ban hành văn bản dưới luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ hai, kế thừa các quy định của Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành còn giá trị; sửa đổi, bổ sung các quy định không còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn; đồng thời rà soát, phân định rõ mối quan hệ giữa Luật Phát triển DNNVV với các luật chuyên ngành. Tập trung sửa đổi, bổ sung các quy định còn gây khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn triển khai chính sách hỗ trợ DNNVV.

Thứ ba, thiết kế chính sách hỗ trợ phát triển theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, có chọn lọc, phù hợp với từng nhóm doanh nghiệp theo quy mô và giai đoạn phát triển; đồng thời đổi mới phương thức hỗ trợ theo hướng lấy kết quả, đầu ra làm căn cứ phân bổ nguồn lực hỗ trợ, gắn với mục tiêu, chỉ tiêu, sản phẩm cụ thể, có thể lượng hóa được; bảo đảm dễ áp dụng, dễ kiểm tra và dễ đánh giá hiệu quả thực hiện.

Thứ tư, lấy DNNVV làm trung tâm, xuất phát từ thực tiễn, tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc cốt lõi trong gia nhập thị trường, tiếp cận nguồn lực, tổ chức sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh; bảo đảm chính sách thiết thực, khả thi, hiệu quả.

Thứ năm, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý gắn với trách nhiệm giải trình, bảo đảm thống nhất trong quản lý nhà nước về hỗ trợ phát triển DNNVV, đồng thời phát huy tính chủ động, linh hoạt của địa phương, các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội đại diện cho DNNVV trong tổ chức thực hiện chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn và khả năng cân đối nguồn lực.

Thứ sáu, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; bảo đảm sự phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trên thế giới.

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO DỰ ÁN LUẬT

Triển khai nhiệm vụ xây dựng, ban hành Luật Phát triển DNNVV trên cơ sở sửa đổi toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV hiện hành, Bộ Tài chính đã thực hiện các hoạt động sau:

1. Bộ Tài chính đã tổ chức đánh giá tổng kết tình hình triển khai 8 năm thi hành Luật Hỗ trợ DNNVV ở cấp trung ương và địa phương (Văn bản số 798/BTC-DNTN ngày 20/01/2026); tổ chức khảo sát hơn 500 DNNVV về mức độ thụ hưởng chính sách và đề xuất chính sách hỗ trợ; làm việc với một số địa phương, hiệp hội doanh nghiệp về công tác triển khai Luật; tổ chức 02 hội thảo cấp vùng (Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh) để tham vấn ý kiến rộng rãi các cơ quan quản lý nhà

nước, hiệp hội doanh nghiệp, DNNVV và chuyên gia về việc triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV thời gian qua và các đề xuất sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật mới.

2. Tại Thông báo số 11-TB/BCĐTW ngày 22/12/2025, trong Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật có chỉ đạo *“Rà soát, đề xuất sửa đổi toàn diện Luật Hỗ trợ DNNVV trong năm 2026, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa”*. Căn cứ chỉ đạo của của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm và thực tiễn trên, Bộ Tài chính đề xuất xây dựng Luật Hỗ trợ DNNVV để thay thế Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017. Đồng thời, Bộ Tài chính đã khẩn trương soạn thảo hồ sơ chính sách của dự án Luật, bảo đảm tuân thủ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

3. Ngày 16/3/2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định 745/QĐ-BTC về việc thành lập Tổ soạn thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hỗ trợ DNNVV.

4. Ngày 19/03/2026, Bộ Tài chính đã có Công văn số 3338/BTC-DNTN về việc xin ý kiến hồ sơ chính sách Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (sửa đổi) gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, tổ chức chính trị - xã hội, địa phương, các Đoàn Đại biểu Quốc hội).

5. Ngày 24/4/2026, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5200/BTC-DNTN gửi Bộ Tư pháp về việc thẩm định đối với hồ sơ chính sách dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi).

6. Ngày 24/4/2026, Bộ Tài chính đã phối hợp với Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tổ chức Hội nghị tham vấn Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, các bộ, ngành, một số tổ chức chính trị-xã hội và địa phương, một số đoàn đại biểu Quốc hội về hồ sơ chính sách dự án Luật Hỗ trợ DNNVV.

7. Trên cơ sở Báo cáo thẩm định số 243/BCTĐ-BTP ngày 15/5/2026 của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã hoàn thiện hồ sơ chính sách của dự án Luật, trình Chính phủ tại Tờ trình số 305/TTr-BTC ngày 25/5/2026.

8. Đồng thời, Bộ Tài chính có Văn bản số 6547/BTC-DNTN ngày 21/5/2026 gửi xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương, hiệp hội doanh nghiệp về hồ sơ dự án Luật; đăng tải lên Cổng Pháp luật quốc gia và Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính hồ sơ dự án Luật. Bộ Tài chính cũng đã tổ chức 03 hội thảo lấy ý kiến rộng rãi dự thảo Luật (tại Hà Nội, Tp Hồ Chí Minh, Huế) và phối hợp với Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tổ chức các hội thảo tham vấn cộng đồng doanh nghiệp, chuyên gia, hiệp hội về hồ sơ dự án Luật.

9. Ngày 19/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 156/NQ-CP về việc thông qua chính sách của Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi).

10. Trên cơ sở tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý, Bộ Tài chính đã hoàn thiện Hồ sơ dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi). Ngày 24/6/2026, Bộ Tài chính có Văn bản số 8771/BTC-DNTN gửi Bộ Tư pháp thẩm định Hồ sơ dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi).

11. Ngày 01/7/2026, Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp Hội đồng thẩm định Hồ sơ dự án Luật. Ngày 08/7/2026, Bộ Tư pháp đã ban hành Báo cáo thẩm định số 381/BCTĐ-BTP về Hồ sơ dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi).

12. Ngày 11/7/2026, Bộ Tài chính có Văn bản số 9908/BTC-DNTN và Báo cáo số 535/BC-BTC gửi Bộ Tư pháp về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp đối với dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi), thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ tại Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29/5/2026 của Chính phủ.

13. Ngày 14/7/2026, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số 5312/BTP-PLDSKT về việc rà soát nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi); trong đó, Bộ Tư pháp nhất trí hồ sơ dự án Luật đủ điều kiện trình Chính phủ xem xét, quyết định.

14. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính trình Chính phủ hồ sơ dự án Luật Hỗ trợ DNNVV (sửa đổi) tại Tờ trình số 519/TTr-BTC ngày 17/7/2026 và Tờ trình số 535-TTr/BTC ngày 21/7/2026.

15. Ngày 07/8/2026, Bộ Tài chính đã trình Thủ tướng Chính phủ Báo cáo số 646/BC-BTC về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Thành viên Chính phủ về dự án Luật; đồng thời, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật.

16. Ngày 11/8/2026, Chính phủ đã thông qua Nghị quyết số 224/NQ-CP về dự án Luật Phát triển DNNVV và giao Bộ trưởng Bộ Tài chính thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ ký Tờ trình số 558/TTr-CP ngày 15/8/2026 báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự án Luật Phát triển DNNVV.

17. Ngày 27/8/2026, Ủy ban Kinh tế và Tài chính đã có Báo cáo thẩm tra sơ bộ số 1033/BC-UBKTTTC16 đối với dự án Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa; ngày 04/9/2026, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã có Kết luận số 231/KL-UBTVQH16 về dự án Luật Phát triển DNNVV.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ THẢO LUẬT

7. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Về phạm vi điều chỉnh, Luật Phát triển DNNVV quy định về nguyên tắc, chính sách, nguồn lực, hệ sinh thái phát triển DNNVV; hình thức, phương thức quản lý ngân sách hỗ trợ phát triển DNNVV; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến phát triển DNNVV.

Về đối tượng áp dụng, Luật Phát triển DNNVV áp dụng đối với doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định DNNVV theo quy định của Luật này và cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến phát triển DNNVV.

2. Bố cục của dự thảo Luật:

Dự thảo Luật Phát triển DNNVV bao gồm **4 chương** với **35 điều**. Kết cấu của dự thảo Luật cụ thể như sau:

Chương I: Những quy định chung, gồm 7 điều

Chương II: Chính sách phát triển DNNVV, gồm 16 điều

Chương III. Trách nhiệm trong hoạt động phát triển DNNVV, gồm 09 điều

Chương IV. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều

3. Nội dung chủ yếu của dự thảo Luật

Bám sát quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (Luật số 62/2025/QH15)¹, dự thảo Luật được xây dựng đảm bảo chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; giao thẩm quyền cho Chính phủ quy định chi tiết các nội dung cụ thể. Đồng thời, đảm bảo tính ổn định của chính sách, Luật được sửa đổi theo hướng kế thừa tối đa các quy định còn giá trị và phát huy hiệu quả trong thời gian qua; loại bỏ các quy định không còn phù hợp; sửa đổi, bổ sung các quy định mới nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, định hướng của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số.

3.1. Nội dung sửa đổi, hoàn thiện

3.1.1 Chương I – Những quy định chung

Kế thừa cơ bản các quy định tại Chương I của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017; đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm phù hợp với yêu cầu tại Kết luận số 17-KL/TW, Nghị quyết số 68-NQ/TW. Cụ thể:

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về phạm vi điều chỉnh tại Điều 1** theo hướng bao quát nguyên tắc, chính sách, hình thức hỗ trợ và phương thức quản lý ngân sách hỗ trợ, gắn với trách nhiệm của các chủ thể trong hoạt động phát triển DNNVV.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về giải thích từ ngữ tại Điều 3** theo hướng chỉ quy định các khái niệm cơ bản, có tính nguyên tắc, bảo đảm áp dụng thống nhất trong quá trình tổ chức thực hiện, như “Cổng Thông tin quốc gia về doanh nghiệp”, “cơ sở dữ liệu quốc gia về doanh nghiệp”, “phiếu hỗ trợ DNNVV”, “hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV”, “khu làm việc chung cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo”. Đối với các khái niệm gắn với xác định nhóm DNNVV đặc thù, trọng tâm (DNNVV do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động là phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, DNNVV công nghiệp hỗ trợ, DNNVV khởi nghiệp sáng tạo,...) sẽ được Chính phủ quy định phù hợp với các chính sách hỗ trợ phát triển cụ thể và phù hợp yêu cầu xây dựng luật khung, nguyên tắc tại Nghị quyết số 66-NQ/TW.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chí xác định DNNVV tại Điều 4** trên cơ sở kế thừa các tiêu chí của Luật năm 2017, điều chỉnh cách xác định lao động

¹ Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân, tổ tụng tư pháp, các vấn đề có ảnh hưởng lớn đến đời sống xã hội, mối quan hệ giữa Nhà nước với công dân và xã hội. Đối với các nội dung quản lý nhà nước theo từng lĩnh vực, các vấn đề mới, có tính kiến tạo phát triển, các vấn đề chưa có thực tiễn kiểm nghiệm, luật chỉ quy định các nội dung chính sách có tính nguyên tắc, định hướng thuộc thẩm quyền của Quốc hội để thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng; phân quyền cho Chính phủ, các cơ quan trong bộ máy nhà nước trong việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của luật và thực hiện phân cấp bảo đảm phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của từng cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương các cấp và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn; cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình, quy chuẩn chuyên môn, kỹ thuật và các nội dung có tính biến động cao.

và ngưỡng vốn, doanh thu phù hợp với thực tiễn. Theo đó, doanh nghiệp có số lao động sử dụng bình quân năm trước liền kề không quá 300 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí: tổng nguồn vốn của năm trước liền kề không quá 150 tỷ đồng hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 400 tỷ đồng. Chính phủ quy định chi tiết việc phân loại doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa theo các nhóm lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ. Lý do:

+ Việc không tiếp tục sử dụng tiêu chí số lao động tham gia bảo hiểm xã hội để phân loại quy mô doanh nghiệp xuất phát từ sự thay đổi trong mô hình sử dụng lao động hiện nay. Nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp một người, có xu hướng sử dụng lao động linh hoạt, thuê ngoài hoặc ứng dụng AI, nền tảng số để thay thế một phần công việc truyền thống; đồng thời, một người lao động có thể làm việc cho nhiều doanh nghiệp. Do đó, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội không còn phản ánh đầy đủ, ổn định quy mô và năng lực hoạt động thực tế của doanh nghiệp. Mặt khác, thông lệ quốc tế cho thấy tiêu chí lao động tham gia Bảo hiểm xã hội thường được sử dụng để xác định điều kiện thụ hưởng đối với một số chính sách hỗ trợ cụ thể, thay vì là tiêu chí bắt buộc trong thống kê và phân loại quy mô doanh nghiệp.

+ Việc nâng ngưỡng lao động bình quân năm lên không quá 300 người là mức hài hòa, phù hợp với quy mô DNNVV Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế. Nhiều quốc gia sử dụng ngưỡng lao động bình quân năm khoảng 200-400 người để xác định DNNVV, chỉ một số ít quốc gia sử dụng với quy mô 500 người². Ngưỡng quy định mới vừa bảo đảm không mở rộng quá mức đối tượng hỗ trợ, vừa tạo dư địa khuyến khích doanh nghiệp phát triển, mở rộng sản xuất kinh doanh và tuyển dụng thêm lao động.

+ Việc giữ 03 tiêu chí về lao động, doanh thu và nguồn vốn, đồng thời xác định DNNVV trên cơ sở đáp ứng 02 trong 03 tiêu chí³, xuất phát từ việc mỗi tiêu chí chỉ phản ánh một mặt của quy mô doanh nghiệp và có thể biến động khác nhau theo ngành, mô hình kinh doanh và từng giai đoạn phát triển. Nếu chỉ dựa vào một tiêu chí hoặc yêu cầu đồng thời đáp ứng cả 03 tiêu chí thì dễ loại trừ những doanh nghiệp có quy mô thực tế nhỏ và vừa nhưng chưa phát sinh doanh thu, đang tập trung đầu tư vốn hoặc có cơ cấu lao động đặc thù. Qua đó, chính sách hỗ trợ được thiết kế đúng đối tượng, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với quy mô và nhu cầu của từng nhóm doanh nghiệp, tránh dàn trải và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước.

+ Việc nâng ngưỡng tổng doanh thu (400 tỷ đồng) và tổng nguồn vốn (150 tỷ đồng) là phù hợp với biến động về mặt bằng giá, chi phí sản xuất kinh doanh và quy mô vốn của doanh nghiệp sau gần 10 năm thi hành Luật năm 2017. Ngưỡng đề xuất này được tính toán trên cơ sở tỷ lệ lạm phát lũy kế giai đoạn từ năm 2017 đến hết năm 2025 ước khoảng trên 30%; theo đó, việc nâng tổng doanh thu, tổng nguồn vốn cơ bản phù hợp với tỷ lệ trượt giá⁴ trong chu kỳ 10 năm nhằm tạo dư địa cho doanh nghiệp đầu tư máy móc, công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và mở rộng sản xuất kinh doanh.

² Hoa Kỳ, Canada.

³ Số lao động bình quân năm và tổng doanh thu hoặc số lao động bình quân năm và tổng nguồn vốn.

⁴ Số liệu CPI Cục Thống kê từ năm 2017 đến năm 2025.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về nguyên tắc hỗ trợ phát triển DNNVV tại Điều 5**, trong đó hỗ trợ phải có trọng tâm, có thời hạn, phù hợp khả năng cân đối nguồn lực; bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng, nguyên tắc thị trường và phù hợp điều ước quốc tế; ưu tiên triển khai toàn diện các hoạt động hỗ trợ DNNVV và hỗ trợ theo lộ trình nâng cấp doanh nghiệp để khuyến khích hộ kinh doanh chuyển lên doanh nghiệp, doanh nghiệp quy mô siêu nhỏ lên nhỏ, quy mô vừa lên lớn. Dự thảo đồng thời đưa ra nguyên tắc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu; không yêu cầu doanh nghiệp cung cấp lại thông tin cơ quan nhà nước đã có hoặc có thể khai thác; không hỗ trợ trùng cùng một khoản chi; quy định nguyên tắc lựa chọn, ưu tiên đối tượng và quyền sở hữu tài sản hình thành từ kinh phí hỗ trợ. Cách thiết kế này nhằm giảm chi phí tuân thủ cho DNNVV, tạo thuận lợi cho DNNVV tiếp cận chính sách; đồng thời tránh hỗ trợ dàn trải, qua đó tạo động lực để doanh nghiệp tự nâng cấp năng lực thay vì phụ thuộc kéo dài vào hỗ trợ của Nhà nước.

- **Hoàn thiện quy định về nguồn lực, hình thức hỗ trợ và các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 6 và Điều 7** theo hướng đa dạng hóa nguồn lực hỗ trợ, trong đó ngân sách nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, huy động thêm nguồn lực hợp pháp ngoài ngân sách; đồng thời quy định hình thức hỗ trợ, đặc biệt là hình thức Phiếu hỗ trợ DNNVV (voucher) để tạo cơ sở cho DNNVV được linh hoạt lựa chọn dịch vụ và đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp với nhu cầu. Các hành vi bị nghiêm cấm để phòng ngừa trục lợi chính sách cũng được quy định cụ thể tại Điều 7.

3.1.2. Chương II – Chính sách phát triển DNNVV

3.1.2.1. Chính sách phát triển chung

Kế thừa Mục 1 Chương II của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, đồng thời mở rộng phạm vi và cụ thể hóa các chính sách phát triển theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kết luận số 17-KL/TW, bảo đảm tập trung, thực chất, hiệu quả, lấy doanh nghiệp làm trung tâm. Các quy định tại Mục 1, Chương II hướng tới tháo gỡ những rào cản phát sinh trong thực tiễn thi hành Luật hiện hành, nhất là trong tiếp cận thông tin, đào tạo, tư vấn, pháp lý, vốn, thuế, kế toán, mặt bằng sản xuất kinh doanh, công nghệ, chuyển đổi số và thị trường; qua đó hình thành nền tảng chính sách thống nhất để DNNVV đủ điều kiện được tiếp cận các hỗ trợ cơ bản của Nhà nước. Cụ thể:

- **Sửa đổi quy định về hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn tại Điều 8** trên cơ sở kế thừa các nội dung đang phát huy hiệu quả trong thực tiễn tại Điều 8 của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017, đồng thời cụ thể hóa định hướng khơi thông nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân tại Nghị quyết số 68-NQ/TW. Dự thảo mở rộng từ tiếp cận tín dụng sang phát triển đa dạng, đồng bộ các nguồn vốn cho DNNVV, bao gồm tín dụng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, thị trường vốn, vốn đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác. Đồng thời, khuyến khích các tổ chức tài chính, tín dụng đổi mới phương thức đánh giá khả năng trả nợ trên cơ sở dữ liệu về hoạt động sản xuất, kinh doanh, doanh thu, dòng tiền, giao dịch và tài sản hợp pháp của doanh nghiệp, góp phần giảm phụ thuộc vào tài sản bảo đảm truyền thống; các nghiệp vụ cấp vốn cụ thể thực hiện theo pháp luật chuyên ngành. Dự thảo Luật cũng đồng thời đưa ra quy định Nhà nước thúc đẩy phát triển hạ

tăng công nghệ thông tin, dữ liệu; thúc đẩy kết nối, chia sẻ dữ liệu và phát triển các tổ chức xếp hạng tín nhiệm, chấm điểm tín dụng DNNVV. Bên cạnh đó, DNNVV cũng được hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị, minh bạch, chuẩn hóa sổ sách tài chính để nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chính sách thuế và kế toán tại Điều 9 theo hướng giảm chi phí tuân thủ, cụ thể hóa các cơ chế tại Nghị quyết số 198/2025/QH15, bảo đảm phù hợp với yêu cầu tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về xây dựng hệ thống thuế hiện đại, hạn chế lồng ghép chính sách xã hội trong chính sách thuế. Đặc biệt, dự thảo Luật bổ sung quy định về nâng ngưỡng doanh thu được lựa chọn áp dụng phương pháp tính thuế đơn giản (thuế suất nhân với doanh thu) lên 10 tỷ đồng/năm đối với doanh nghiệp và cá nhân cư trú nhằm giải quyết một trong các vướng mắc lớn nhất hiện nay của DNNVV, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với việc tuân thủ áp dụng các thủ tục hành chính về thuế. Các quy định áp dụng chế độ kế toán, thủ tục hành chính thuế đơn giản cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ tiếp tục được quy định tại dự thảo Luật, qua đó tạo thuận lợi cho hoạt động và khuyến khích chuyển đổi từ hộ kinh doanh thành doanh nghiệp.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về tiếp cận mặt bằng sản xuất tại Điều 10 trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Luật Đất đai, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và luật hóa đầy đủ các cơ chế, chính sách hỗ trợ DNNVV tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh tại Nghị quyết số 198/2025/QH15. Dự thảo Luật giao địa phương quyết định sử dụng ngân sách để đầu tư, hỗ trợ đầu tư hạ tầng dành cho DNNVV và quy định trách nhiệm dành diện tích cho DNNVV thuê, thuê lại. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới, dự thảo kế thừa cơ chế tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 về việc bố trí bình quân 20 ha hoặc 5% diện tích trên địa bàn và giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong 05 năm đầu cho DNNVV; đặc biệt dự thảo Luật bổ sung quy định về hình thức cấp voucher cho DNNVV để thanh toán phần kinh phí hỗ trợ giảm tiền thuê đất bên cạnh hình thức nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư như đã quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15. Dự thảo Luật cũng bổ sung quy định tiếp cận nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng và trách nhiệm công khai quỹ đất, mặt bằng.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Điều 11 nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW và bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các chính sách hỗ trợ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đã quy định tại Nghị quyết số 198/2025/QH15, Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025, Luật Chuyển đổi số năm 2025, Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025. Theo đó, dự thảo Luật dẫn chiếu cơ chế trích lập quỹ KHCN của doanh nghiệp và ưu đãi chi phí R&D theo pháp luật chuyên ngành; hỗ trợ chi phí tư vấn, dịch vụ công nghệ, chuyển đổi số; tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ sử dụng nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung; đồng thời khuyến khích phát triển và ứng dụng sản phẩm, giải pháp công nghệ số trong nước. Các mức hỗ trợ cụ thể không quy định cứng tại Luật để bảo đảm có thể điều chỉnh linh hoạt theo chính sách thuế và khả năng cân đối ngân sách từng thời kỳ.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về ưu tiên tham gia mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước và phát triển thị trường tại Điều 12, tập trung thị trường trong nước, thương mại điện tử, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của hệ thống phân phối và thị trường.

Về mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước, dự thảo luật hóa chính sách tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 quy định về các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp sử dụng ngân sách nhà nước có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng được dành cho DNNVV và quy định dành tối thiểu 20% tổng giá trị mua sắm sử dụng ngân sách nhà nước hằng năm để DNNVV tham gia, qua đó tạo thị trường đầu ra cho khu vực này. Dự thảo Luật không giới hạn số lần trúng thầu của DNNVV do việc kiểm soát năng lực, cạnh tranh và lợi ích nhóm đã được thực hiện thông qua pháp luật về đấu thầu và điều kiện của từng gói thầu.

Dự thảo Luật cũng bổ sung chính sách hỗ trợ DNNVV phát triển thương mại điện tử và kinh doanh trên nền tảng số; hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu của hệ thống phân phối và thị trường.

Bên cạnh hỗ trợ trực tiếp từ Nhà nước, dự thảo Luật có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI, trong đó có tập đoàn phân phối, sản xuất thương mại điện tử, doanh nghiệp đầu chuỗi xây dựng chương trình phát triển nhà cung cấp là DNNVV. Cách tiếp cận này nhằm phát huy vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp lớn trong việc chuyển giao tiêu chuẩn, kinh nghiệm quản trị, kết nối thị trường và mở rộng hệ thống phân phối, qua đó hỗ trợ DNNVV nâng cao năng lực cạnh tranh, tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng và phát triển bền vững.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về đào tạo phát triển nguồn nhân lực tại Điều 13 trên cơ sở kế thừa Điều 15 của Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 theo hướng mở rộng nội dung đào tạo từ khởi sự kinh doanh, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản trị, điều hành và các năng lực chuyên môn khác. Hình thức đào tạo gồm trực tiếp, trực tuyến, kết hợp và tại doanh nghiệp sản xuất, chế biến; khuyến khích hợp tác với cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, tổ chức đào tạo để thực hành, thực tập và phát triển kỹ năng gắn nhu cầu sử dụng lao động.

- Bổ sung quy định về tư vấn, cố vấn, huấn luyện phát triển doanh nghiệp tại Điều 14 theo hướng kế thừa các quy định còn giá trị tại Luật hiện hành và yêu cầu tại Thông báo số 11-TB/BCĐTW về đổi mới chính sách hỗ trợ đào tạo, tư vấn, pháp lý cho DNNVV. Dự thảo làm rõ nội hàm từng hoạt động tư vấn, cố vấn, huấn luyện để DNNVV được các chuyên gia tư vấn đồng hành phù hợp với nhu cầu và mức độ phát triển của mình. Nhà nước chuyển trọng tâm sang khuyến khích phát triển mạng lưới tư vấn, cố vấn, huấn luyện chuyên nghiệp, minh bạch, cạnh tranh cho DNNVV.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về hỗ trợ pháp lý tại Điều 15 theo hướng xác định rõ mục tiêu hỗ trợ pháp lý cho DNNVV. Đồng thời, mở rộng và cụ thể hóa các nội dung hỗ trợ gồm cung cấp thông tin, cảnh báo rủi ro pháp lý; đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn; tư vấn, cố vấn, huấn luyện về pháp luật; áp dụng các mô hình, công cụ hỗ trợ tuân thủ, phòng ngừa rủi ro phù hợp với đặc điểm, nhu cầu của doanh nghiệp. Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách

nhệm đổi mới phương thức triển khai theo lĩnh vực, địa bàn phụ trách và thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu về hoạt động hỗ trợ pháp lý, qua đó nâng cao tính thiết thực, hiệu quả và khả năng tiếp cận hỗ trợ của DNNVV.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về tiếp cận thông tin tại Điều 16** theo hướng Nhà nước xây dựng, nâng cấp và vận hành Hệ thống Thông tin quốc gia về doanh nghiệp để DNNVV tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ thông qua cơ chế một cửa thống nhất. DNNVV được hỗ trợ chi phí tiếp cận, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu, báo cáo phân tích, kết quả nghiên cứu chuyên sâu của các tổ chức cung cấp dịch vụ trên thị trường phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp.

- **Bổ sung quy định về chính sách hỗ trợ đặc thù tại Điều 17** cho DNNVV do phụ nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số làm chủ; DNNVV sử dụng nhiều lao động nữ, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo về nền tảng số, thương mại điện tử, đào tạo, tư vấn, pháp lý, thuế và tài chính toàn diện. Đây là nội dung mới so với Luật năm 2017, thể chế hóa yêu cầu tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả, bảo đảm nguyên tắc hỗ trợ bao trùm, bình đẳng cơ hội và phát triển cân bằng giữa các nhóm doanh nghiệp, vùng, địa bàn và thể chế hóa yêu cầu có chính sách ưu tiên hỗ trợ phát triển doanh nhân nữ, doanh nhân trẻ, doanh nhân dân tộc thiểu số, doanh nhân hoạt động ở địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn tại Nghị quyết số 41-NQ/TW ngày 10/10/2023 về xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân Việt Nam trong thời kỳ mới.

- **Bổ sung quy định về phát triển hệ sinh thái hỗ trợ DNNVV tại Điều 18.** Đây là điểm mới của dự thảo Luật Phát triển DNNVV, phù hợp định hướng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về huy động, khơi thông nguồn lực cho khu vực kinh tế tư nhân và khắc phục hạn chế của Luật năm 2017 khi hoạt động hỗ trợ còn phân tán, thiếu liên kết giữa các chủ thể. Dự thảo quy định phát triển thị trường dịch vụ phát triển kinh doanh; đầu tư, nâng cấp cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung, cơ sở thí nghiệm dùng chung, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm hỗ trợ DNNVV; phát triển mạng lưới tư vấn, cố vấn, huấn luyện; kết nối DNNVV với doanh nghiệp lớn, tổ chức tài chính, viện nghiên cứu, trường đại học, quỹ đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp. Việc quy định riêng về hệ sinh thái nhằm chuyển từ mô hình Nhà nước trực tiếp cung cấp phần lớn hỗ trợ sang mô hình Nhà nước kiến tạo, điều phối và cùng các tác nhân trên thị trường cung cấp dịch vụ; qua đó huy động nguồn lực xã hội hóa bổ sung cho ngân sách nhà nước và tạo cơ chế hỗ trợ bền vững hơn.

3.1.2.2. Chính sách phát triển trọng tâm

Mục này cơ bản kế thừa Mục 2 Chương II của Luật năm 2017. Ngoài các chính sách phát triển chung cho các DNNVV quy định từ Điều 8 đến Điều 18, dự thảo Luật quy định các nhóm chính sách phát triển trọng tâm đối với những đối tượng ưu tiên, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ và quan điểm chỉ đạo tại Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về phát triển nhanh, bền vững, nâng cao năng lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chất lượng nguồn nhân lực.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển khởi nghiệp sáng tạo tại Điều 19** trên cơ sở kế thừa Điều 17 và Điều 18 của Luật năm 2017. Dự thảo Luật Phát triển DNNVV mở rộng nội dung hỗ trợ phù hợp với tinh thần tại Nghị quyết số 57/NQ-TW và Nghị quyết số 68-NQ/TW, bao gồm hỗ trợ thuế đối với một số khoản thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp sáng tạo, hỗ trợ chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hỗ trợ chi phí tư vấn, cố vấn, huấn luyện, thương mại hóa sản phẩm; ưu tiên tiếp cận sử dụng cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, cơ sở thí nghiệm, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu làm việc chung; áp dụng khấu hao nhanh đối với tài sản phục vụ nghiên cứu, phát triển công nghệ, thử nghiệm và thương mại hóa sản phẩm. Đồng thời, các quy định về Quỹ đầu tư mạo hiểm tư nhân cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo cũng được rà soát và điều chỉnh tại dự thảo Luật đảm bảo phù hợp với bản chất hoạt động của Quỹ này và phù hợp với sự phát triển của thị trường vốn đầu tư mạo hiểm ở Việt Nam hiện nay.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển DNNVV chuyển đổi từ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 20** trên cơ sở kế thừa Điều 16 của Luật năm 2017, đồng thời trực tiếp thể chế hóa yêu cầu tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 và Nghị quyết số 68-NQ/TW về hoàn thiện cơ chế để cá nhân, hộ kinh doanh phát triển thành DNNVV, giảm chi phí gia nhập thị trường và chi phí tuân thủ sau chuyển đổi. Doanh nghiệp kế thừa quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp; được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 01 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ; miễn một số phí, lệ phí ban đầu; áp dụng cơ chế thuế, kế toán, biểu mẫu và báo cáo tối giản của doanh nghiệp siêu nhỏ trong 36 tháng; được hướng dẫn, cảnh báo tuân thủ trong 24 tháng; hỗ trợ chi phí nền tảng số, phần mềm và dịch vụ kế toán, trong đó dịch vụ kế toán được hỗ trợ tối đa 24 tháng. Dự thảo quy định cơ chế bảo hiểm xã hội linh hoạt, liên thông thủ tục thuế và bảo hiểm; giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp thuộc trách nhiệm doanh nghiệp trong 12 tháng theo quy định tại Điều này. Việc rút ngắn thời gian đăng ký xuống 01 ngày và thiết kế gói hỗ trợ có thời hạn nhằm giảm chi phí chuyển đổi nhưng vẫn tạo động lực để doanh nghiệp sớm tự chủ, tránh hình thành cơ chế hỗ trợ kéo dài.

Đặc biệt, dự thảo Luật bổ sung cơ chế quản trị tối giản tại khoản 8 Điều 20 đối với doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh, hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do một cá nhân làm chủ sở hữu và đáp ứng quy mô doanh nghiệp siêu nhỏ (doanh nghiệp một người), góp phần thực hiện yêu cầu giảm gánh nặng chi phí sau chuyển đổi tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW và mục tiêu phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo theo Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 05/4/2026 của Chính phủ. Theo đó, doanh nghiệp không bắt buộc có Chủ tịch công ty, kế toán trưởng; được tổ chức công tác kế toán phù hợp và áp dụng phương pháp tính thuế theo khoản 3 Điều 9 dự thảo Luật.

- **Bổ sung quy định về phát triển DNNVV kinh doanh bền vững tại Điều 21.** Đây là nội dung chưa được quy định tại Luật năm 2017, nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 68-NQ/TW và Thông báo số 11-TB/BCĐTW về chuyển đổi xanh, kinh doanh bền vững, đồng thời thể chế hóa chủ trương phát triển kinh tế gắn với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường và chủ động thích ứng với

biến đổi khí hậu. DNNVV kinh doanh bền vững được hỗ trợ lãi suất đối với dự án xanh, dự án kinh tế tuần hoàn; hưởng ưu đãi thuế đối với hoạt động bảo vệ môi trường; áp dụng khấu hao nhanh đối với tài sản phục vụ chuyển đổi xanh, tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải; hỗ trợ tư vấn, đánh giá, chứng nhận, đo lường, xây dựng báo cáo đáp ứng tiêu chuẩn phát triển bền vững; hỗ trợ chuyển đổi số chuyên sâu gắn với chuyển đổi xanh; hỗ trợ pháp lý, đào tạo, tư vấn, cố vấn, huấn luyện chuyên sâu. Việc thiết kế chính sách theo nhóm mục tiêu nhằm tập trung nguồn lực vào quá trình chuyển đổi có chi phí ban đầu lớn nhưng tạo hiệu quả dài hạn cho năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về phát triển DNNVV tham gia chuỗi giá trị, mở rộng hoạt động kinh doanh quốc tế tại Điều 22** nhằm cụ thể hóa định hướng tại Nghị quyết số 68-NQ/TW về nâng cao năng lực, mở rộng thị trường và tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi. Dự thảo chuyển trọng tâm chính sách sang nâng cấp năng lực nhà cung ứng, tăng cường liên kết và mở rộng thị trường; không giới hạn toàn bộ đối tượng vào ngành sản xuất, chế biến. Chính sách tập trung đánh giá năng lực nhà cung ứng, xây dựng lộ trình nâng cấp, tư vấn và huấn luyện, phát triển sản phẩm, tiêu chuẩn, thương hiệu, logistics, thương mại điện tử xuyên biên giới; hỗ trợ thử nghiệm, chứng nhận và đồng phát triển công nghệ. Dự thảo khuyến khích doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi hỗ trợ DNNVV và hỗ trợ xây dựng chiến lược mở rộng kinh doanh quốc tế, mua bán và sáp nhập, phát triển hiện diện thương mại, kết nối đối tác, xúc tiến đầu tư, triển khai đầu tư ra nước ngoài theo pháp luật; phạm vi và điều kiện thực hiện phải bảo đảm Nhà nước hỗ trợ nâng cao năng lực, không chuyển rủi ro kinh doanh của dự án sang ngân sách.

- **Bổ sung quy định về các chương trình phát triển DNNVV tại Điều 23** khi quy định các nguyên tắc cơ bản khi xây dựng Chương trình phát triển DNNVV, các quy định cụ thể sẽ do Chính phủ hướng dẫn, đảm bảo yêu cầu “...các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, Bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn” tại Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

3.1.3 Chương III – Trách nhiệm trong hoạt động phát triển DNNVV

Chương II kế thừa các quy định tại Chương III của Luật hiện hành về trách nhiệm trong hoạt động hỗ trợ DNNVV, đồng thời sửa đổi, bổ sung theo hướng phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. Các quy định được hoàn thiện nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với chuyển đổi số, công khai thông tin và đánh giá hiệu quả chính sách, bảo đảm giao quyền chủ động tối đa cho địa phương theo yêu cầu của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

- **Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của Chính phủ tại Điều 24** theo hướng thống nhất quản lý, bảo đảm nguồn lực và tăng cường đánh giá tác động chính sách. Theo đó, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước, tổ chức kiểm tra, đánh giá tác động chính sách, xây dựng dự toán ngân sách trình Quốc hội, đẩy mạnh chia sẻ, liên thông dữ liệu và khuyến khích sử dụng nguồn lực ngoài Nhà nước.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ tại Điều 25** theo hướng quy định chung và quy định riêng trách nhiệm của một số bộ, ngành đầu mối chịu trách nhiệm chính đối với một số nội dung cơ bản, quan trọng tại dự thảo Luật (Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam); đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các bộ, ngành này. Theo đó, Bộ Tài chính được xác định là đầu mối giúp Chính phủ quản lý, điều phối hoạt động phát triển DNNVV, bố trí nguồn lực, xây dựng, vận hành, phát triển Hệ thống Thông tin quốc gia về doanh nghiệp, hướng dẫn thuế, kế toán và kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai chính sách phát triển DNNVV trên phạm vi toàn quốc; Bộ Tư pháp chủ trì hoạt động hỗ trợ pháp lý cho DNNVV; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì thực hiện chính sách về tín dụng, đánh giá tín dụng, hạ tầng thông tin tín dụng và các mô hình tài chính thuộc phạm vi quản lý.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã tại Điều 26** theo hướng tăng tính chủ động của địa phương trong ban hành chính sách, bố trí nguồn lực, quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ phát triển DNNVV và tổ chức triển khai chương trình hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp trên địa bàn. Cách thiết kế này phù hợp yêu cầu tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW về phân cấp, phân quyền mạnh cho địa phương và tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW về gắn thẩm quyền với trách nhiệm thực thi. Đồng thời, dự thảo bổ sung trách nhiệm giám sát, kiểm tra, đánh giá và tôn vinh DNNVV có thành tích tiêu biểu, đổi mới sáng tạo, đóng góp cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương; việc phân cấp phải đi kèm công khai thông tin, năng lực thực hiện và trách nhiệm giải trình.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của các tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức đại diện cho DNNVV tại Điều 27** theo hướng tăng vai trò chủ động của các tổ chức này trong hoạt động xây dựng, phản biện, triển khai chính sách, chương trình, kế hoạch, hoạt động liên quan đến hỗ trợ phát triển DNNVV; tham gia kiểm tra, giám sát, đánh giá các chính sách, chương trình, kế hoạch, hoạt động hỗ trợ DNNVV; thực hiện cung cấp dịch vụ hỗ trợ DNNVV; thúc đẩy liên kết giữa các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu chuỗi, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với các DNNVV.

- **Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ và DNNVV tại Điều 28, Điều 29** về cung cấp thông tin, thực hiện cam kết, sử dụng nguồn lực và phát triển năng lực doanh nghiệp. Sửa đổi, bổ sung quy định về công khai thông tin và kiểm tra, đánh giá tại Điều 30, Điều 31 theo hướng công khai nội dung, chương trình, kết quả hỗ trợ và đánh giá tác động, kết quả định kỳ hằng năm hoặc theo nhu cầu quản lý nhà nước. Hoàn thiện quy định về xử lý vi phạm tại Điều 32, tiếp tục yêu cầu công bố quyết định xử lý vi phạm về hỗ trợ DNNVV. Việc đánh giá hiệu quả chương trình được phân biệt với kiểm tra tính đúng đắn của từng khoản hỗ trợ.

3.1.4. Chương IV – Điều khoản thi hành

- **Bổ sung quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật, nghị quyết có liên quan tại Điều 33** để bảo đảm cơ sở pháp lý thực hiện chính sách. Theo đó, sửa đổi ngưỡng doanh thu lựa chọn phương pháp tính thuế tại Luật Thuế thu

nhập doanh nghiệp và Luật Thuế thu nhập cá nhân; hoàn thiện quy định về hiệu lực thi hành tại Điều 34, theo đó Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2027, riêng khoản 1, khoản 2 Điều 33 áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

- **Sửa đổi, bổ sung quy định chuyển tiếp tại Điều 35** nhằm bảo đảm tính liên tục của chính sách và quyền, lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp. Theo đó, tiếp tục thực hiện chương trình, đề án, dự án đã được phê duyệt; xử lý hồ sơ nộp trước thời điểm Luật có hiệu lực và lựa chọn quy định có lợi theo điều kiện được xác định, không hỗ trợ trùng khoản chi. Trong tối đa 01 năm kể từ ngày Luật có hiệu lực, Chính phủ rà soát, sáp nhập hoặc giải thể Quỹ Phát triển DNNVV; UBND cấp tỉnh rà soát, sáp nhập hoặc giải thể quỹ bảo lãnh tín dụng địa phương. Quỹ đầu tư cho DNNVV khởi nghiệp sáng tạo đã thành lập tiếp tục hoạt động theo quy định của Chính phủ.

3.2. Nội dung được lược bỏ

- Lược bỏ các khái niệm “DNNVV do phụ nữ làm chủ”, “DNNVV khởi nghiệp sáng tạo”, “chuỗi giá trị”, “chuỗi phân phối sản phẩm”, “cơ sở kỹ thuật hỗ trợ DNNVV” và “cụm liên kết ngành” tại Điều 3 Luật hiện hành nhằm tinh gọn phần giải thích từ ngữ. Các chính sách liên quan tiếp tục được quy định tại dự thảo Luật; tiêu chí nhận diện đối tượng thụ hưởng được cụ thể hóa trong các quy định có liên quan và văn bản hướng dẫn thi hành.

- Lược bỏ quy định riêng tại khoản 6 Điều 5 Luật hiện hành về việc doanh nghiệp được nhận hỗ trợ khi đã thực hiện đầy đủ quy định của Luật và pháp luật có liên quan.

- Lược bỏ quy định về việc DNNVV được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng và các quy định về thành lập, chức năng, nguyên tắc hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng, Quỹ Phát triển DNNVV tại khoản 3 Điều 8, Điều 9 và Điều 20 Luật hiện hành.

- Lược bỏ quy định không áp dụng hỗ trợ mặt bằng sản xuất đối với DNNVV có vốn đầu tư nước ngoài, DNNVV có vốn nhà nước tại khoản 4 Điều 11 Luật hiện hành. Đồng thời, không tiếp tục quy định riêng việc bố trí quỹ đất hình thành khu chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản, hải sản tập trung và hỗ trợ giá thuê mặt bằng tại khu công nghệ cao.

- Lược bỏ quy định về chủ thể thành lập và danh mục ưu đãi đất đai, thuế đối với cơ sở ươm tạo, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung tại khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật hiện hành.

- Lược bỏ quy định về thành lập chuỗi phân phối sản phẩm và ưu đãi đất đai, thuế đối với doanh nghiệp, tổ chức đầu tư, kinh doanh chuỗi có ít nhất 80% số DNNVV tham gia cung ứng cho chuỗi sản phẩm sản xuất tại Việt Nam tại khoản 1, khoản 2 Điều 13 Luật hiện hành.

- Lược bỏ quy định các bộ, cơ quan ngang bộ xây dựng mạng lưới tư vấn viên và việc miễn, giảm chi phí tư vấn gắn với sử dụng dịch vụ thuộc mạng lưới tại khoản 2 Điều 14 Luật hiện hành.

- Lược bỏ các điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh tại khoản 1 Điều 16 Luật hiện hành, gồm điều kiện hộ kinh doanh đã đăng ký, hoạt động theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, kinh doanh liên tục ít nhất 01 năm trước khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

- Lược bỏ các quy định về miễn lệ phí môn bài trong 03 năm, miễn, giảm tiền sử dụng đất có thời hạn, tư vấn và hướng dẫn miễn phí về hồ sơ thành lập doanh nghiệp, thủ tục thuế và kế toán tại khoản 2 Điều 16 Luật hiện hành.

- Lược bỏ điều kiện DNNVV khởi nghiệp sáng tạo có thời gian hoạt động không quá 05 năm và chưa chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần tại khoản 1 Điều 17 Luật hiện hành.

- Lược bỏ quy định tại cấp luật về giới hạn quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo đầu tư không quá 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp sau khi nhận đầu tư và cơ chế địa phương cùng đầu tư tại khoản 2, khoản 4 Điều 18 Luật hiện hành, bao gồm giới hạn tỷ lệ vốn ngân sách địa phương và thời hạn chuyển nhượng vốn.

- Lược bỏ quy định riêng về cấp bù lãi suất thông qua tổ chức tín dụng đối với DNNVV khởi nghiệp sáng tạo, DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị tại điểm đ khoản 2 Điều 17 và điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật hiện hành.

- Lược bỏ quy định riêng về nhóm DNNVV tham gia cụm liên kết ngành, giới hạn lĩnh vực sản xuất, chế biến và các điều kiện về lợi thế cạnh tranh của sản phẩm hoặc đổi mới sáng tạo tại khoản 1 Điều 19 Luật hiện hành. Đồng thời, lược bỏ yêu cầu Chính phủ xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước khi quy định hỗ trợ ngoài lĩnh vực sản xuất, chế biến tại khoản 3 Điều này.

- Lược bỏ cách quy định thành các điều riêng về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và một số nhiệm vụ chuyên biệt của các bộ tại Điều 22, Điều 23, Điều 24 Luật hiện hành; trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ được tổ chức lại tại Điều 25 của dự thảo Luật để phù hợp với cơ cấu tổ chức và yêu cầu điều phối. Đồng thời, không tiếp tục quy định riêng nhiệm vụ Bộ Kế hoạch và Đầu tư định kỳ tổ chức đánh giá độc lập tại khoản 2 Điều 31 Luật hiện hành; trách nhiệm kiểm tra, đánh giá được quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 31 của dự thảo Luật, gắn với công khai kết quả và trách nhiệm giải trình.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH LUẬT

1. Dự kiến nguồn lực

1.1. Về nguồn lực tài chính

Dự thảo Luật Phát triển DNNVV được thiết kế theo cấu trúc của một luật khung, có tính định hướng và ổn định lâu dài. Các nội hàm chính sách cụ thể sẽ được Chính phủ nghiên cứu, quy định chi tiết sau khi Luật được thông qua. Do đó, nguồn lực tài chính cụ thể để triển khai thi hành luật sẽ được Chính phủ bố trí

phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ.

Ngoài ra, khoản 1 Điều 6 dự thảo Luật cũng đã quy định về nguồn vốn hỗ trợ DNNVV, trong đó, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, còn có nguồn vốn hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Thực tiễn 8 năm triển khai Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017 cho thấy, nguồn lực của các tổ chức quốc tế (thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực tư nhân Việt Nam) đóng vai trò như một nguồn lực bổ sung quan trọng để đồng hành cùng Chính phủ triển khai nhiều chính sách, chương trình hỗ trợ cho DNNVV.

1.2. Về nguồn nhân lực

Việc triển khai các chính sách quy định tại dự thảo Luật được thực hiện trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức, biên chế và nguồn kinh phí chi thường xuyên đã được cấp có thẩm quyền giao cho các cơ quan, đơn vị, không làm phát sinh đầu mối, biên chế hoặc nhu cầu bổ sung nhân lực. Nguồn lực thực hiện chủ yếu được bảo đảm thông qua việc rà soát, phân công, bố trí hợp lý đội ngũ hiện có; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác mạng lưới tổ chức hỗ trợ DNNVV và huy động các nguồn lực xã hội hợp pháp để nâng cao hiệu quả triển khai chính sách.

Đồng thời, việc dự thảo Luật quy định trách nhiệm của tổ chức xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội đại diện cho DNNVV tại Điều 27 sẽ tạo điều kiện thu hút nguồn nhân lực từ các tổ chức này vào việc thi hành Luật.

2. Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật

2.1. Ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành

Sau khi Luật được Quốc hội thông qua, Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và các biện pháp thi hành Luật; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành Thông tư hướng dẫn phù hợp với những nội dung được Luật giao và những nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ.

2.2. Tổ chức thực thi Luật sau khi ban hành

- Tuyên truyền, phổ biến Luật: Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện phổ biến, tuyên truyền nội dung của Luật và các quy định liên quan; Bộ Tài chính xây dựng nội dung thông tin, tuyên truyền, phổ biến yêu cầu, nội dung và các quy định của Luật kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện theo hướng kết hợp ngân sách nhà nước với các nguồn lực hợp pháp khác và lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan; đồng thời quy định rõ cơ chế bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương chưa tự cân đối được ngân sách, gắn với việc trao quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ động phân bổ trực tiếp nguồn vốn hỗ trợ DNNVV xuống cấp thực thi, đồng thời xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, cơ chế chia sẻ, liên thông các cơ sở dữ liệu liên quan để giảm thủ tục trung gian, rút

ngắn thời gian thẩm định và bảo đảm chính sách được triển khai minh bạch, công khai, kịp thời, hiệu quả.

- Giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành Luật: Thực hiện công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, theo dõi thường xuyên và định kỳ việc thi hành Luật và các văn bản pháp quy phạm pháp luật quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH VÀ THÔNG QUA LUẬT

- Thời gian dự kiến trình Quốc hội thông qua dự thảo Luật tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026).

- Luật dự kiến có hiệu từ ngày 01/7/2027. Riêng hiệu lực về nâng ngưỡng doanh thu quy định tại khoản 3 Điều 9 của Luật này được áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2026.

VII. VỀ PHÙ HỢP VỚI CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, TÍNH TƯƠNG THÍCH VỚI CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ; BẢO ĐẢM YÊU CẦU VỀ QUỐC PHÒNG, AN NINH; ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH; PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP; VIỆC BẢO ĐẢM BÌNH ĐẲNG GIỚI VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG DỰ THẢO LUẬT; THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

7. Về phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng

Nội dung tại dự thảo Luật cơ bản phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, thể chế hoá được nhiều chính sách theo yêu cầu tại Văn kiện Đại hội XIV; Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; quy định tại Kết luận số 09-KL/TW của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 04-NQ/TW ngày 01/4/2026 về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

2. Về tính tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Nội dung dự thảo Luật không có nội dung trái cam kết quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Về yêu cầu bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh

Các quy định của dự thảo Luật cơ bản bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh.

4. Về nội dung cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Dự thảo Luật Phát triển DNNVV được xây dựng theo hướng không làm phát sinh thủ tục hành chính mới ở cấp luật; không quy định thành phần hồ sơ, trình tự, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí, mẫu đơn, mẫu tờ khai hoặc kết quả giải quyết đối với bất kỳ thủ tục hành chính mới nào. Các quy định của dự thảo Luật chỉ xác lập nguyên tắc hỗ trợ, nhóm chính sách hỗ trợ, nguồn lực, thẩm quyền và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong quá trình tổ chức thực hiện; không thiết lập cơ chế “xin – cho”, không phát sinh thêm giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận hoặc thủ tục phê duyệt hành chính mới để doanh nghiệp được xác định hoặc hưởng chính sách hỗ trợ dành cho DNNVV.

5. Về việc phân quyền, phân cấp

Dự thảo Luật quy định phân quyền 3 nhiệm vụ của các Bộ và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện, bao gồm:

- Ban hành chính sách và bố trí nguồn lực hỗ trợ phát triển DNNVV tại địa phương; quyết định dự toán ngân sách hỗ trợ DNNVV theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;
- Xây dựng và tổ chức triển khai hỗ trợ phát triển DNNVV tại địa phương; kế hoạch, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh;
- Kiểm tra, đánh giá công tác hỗ trợ phát triển DNNVV tại địa phương và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Về yêu cầu bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Dự thảo Luật lồng ghép các quy định, chính sách bảo đảm bình đẳng giới và thực hiện chính sách dân tộc theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho DNNVV do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động nữ, doanh nghiệp do người khuyết tật, người dân tộc thiểu số làm chủ và doanh nghiệp hoạt động tại miền núi, biên giới, hải đảo trong tiếp cận các chính sách hỗ trợ về đào tạo, tư vấn, chuyển đổi số, tài chính, mở rộng thị trường,...

7. Về thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Dự thảo Luật định hướng đổi mới phương thức tổ chức thực hiện chính sách thông qua việc xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và Cổng thông tin Quốc gia về doanh nghiệp là nền tảng số dùng chung; đồng thời bổ sung các công cụ hỗ trợ linh hoạt như phiếu hỗ trợ (voucher), hỗ trợ chuyển đổi số, hỗ trợ sử dụng hạ tầng kỹ thuật, cơ sở thí nghiệm dùng chung, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung và các dịch vụ tư vấn, cố vấn, huấn luyện nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp chủ động lựa chọn dịch vụ phù hợp với nhu cầu phát triển. Công cụ

voucher được xác định là phương thức đổi mới trong triển khai chính sách hỗ trợ, không phải là giấy phép, điều kiện kinh doanh hay thủ tục hành chính mới; việc lựa chọn doanh nghiệp thụ hưởng được thực hiện trên cơ sở tiêu chí công khai, minh bạch, ưu tiên khai thác dữ liệu điện tử và áp dụng cơ chế hậu kiểm, qua đó góp phần giảm chi phí tuân thủ và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

Với những nội dung báo cáo nêu trên, Chính phủ kính trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua dự án Luật Phát triển DNNVV tại Kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI.

Trên đây là Tờ trình về dự án Luật Phát triển DNNVV, Chính phủ kính trình Quốc hội xem xét, quyết định./.

(Tài liệu kèm theo: (1) Tờ trình tóm tắt; (2) Dự thảo Luật; (3) Báo cáo tiếp thu, giải trình Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ của UBKTTC về dự án Luật; (4) Báo cáo thẩm định của Bộ Tư pháp và Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định; (5) Bản so sánh dự thảo Luật với Luật Hỗ trợ DNNVV năm 2017; (6) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo, (7) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật, (8) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, (9) Dự thảo dự kiến văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật Phát triển DNNVV và văn bản quy định chi tiết về hỗ trợ pháp lý cho DNNVV).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Vụ KTTH. (...)

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

(Đã ký)

Ngô Văn Tuấn